TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/DSST
Ngày: 10/6/2024.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngà;
Các Hội thẩm nhân dân ông Quách Đình Hoằng và bà Tô Thị Lành;
- Thư ký phiên tòa bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Xuân H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 5, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Đức N, sinh năm 1961. Địa chỉ: B L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N1, sinh năm 1976. Địa chỉ: 2 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án ông Ngô Đức N là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị Xuân H có quen với bà Nguyễn Thị Kiều N1, vì chỗ quen biết nên khi bà N1 đặt vấn đề vay mượn tiền của bà H để giải quyết công việc thì bà H đồng ý, cụ thể: Ngày 09/09/2022, bà N1 mượn của bà H số tiền 150.000.000 đồng. Khi mượn tiền thì cam kết hẹn 02 tháng trả. Khi vay mượn tiền hai bên thoả thuận có tính lãi và thời hạn trả theo cam kết trong giấy nợ là 2 tháng, mức lãi suất thoả thuận là 2%/tháng. Từ khi bà N1 vay cho đến khi bà H gởi đơn khởi kiện bà N1 chưa trả tiền lãi suất theo thoả thuận cho bà H. Đối với số tiền gốc vào ngày 28/10/2023 bà N1 đã trả 10.000.000đồng.

Nay bà Võ Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kiều N1 phải trả cho bà H số tiền cả gốc và lãi suất là: 162.078.000đồng (Trong đó số tiền gốc 140.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng x 19 tháng (từ ngày 10/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2024) x 140.000.000đ tiền gốc = 22.078.000đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản tự khai ngày 06/3/2024 và lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2024 nội dung như sau:

Vào ngày 09/09/2022, tôi có vay của bà Võ Thị Xuân H (tên thường gọi là C) số tiền 150.000.000 đồng, hàng tháng tôi trả cho bà H 9.000.000 đồng tiền lãi (Tức là 6%/tháng). Sau đó tôi không có khả năng trả lãi và chưa trả lại số tiền nợ gốc cho bà H vì bị bà Lê Thị Thùy D (là em dâu) lừa mất số tiền lớn bỏ đi. Tôi có nói chuyện với bà H về việc này và xin bà H để thu xếp trả tiền cho bà H nhưng bà H cho người xuống nhà đập phá, chặn đường, gọi điện nhắn tin đe doạ tôi và con tôi đang là học sinh lớp 10. Ngày 25/9, bà H dắt theo người xuống nhà tôi giới thiệu là cháu bà H và tôi cũng trình bày công việc hiện giờ tôi không có khả năng trả nợ và xin trả dần. Bà H để người đi cùng bà là ông Nguyễn Ngọc Y ở lại nhà tôi và ép tôi phải trả hàng tháng số tiền 20.000.000 đồng. Tôi không có khả năng số tiền đó trong thời gian này nên tôi có điện thoại bà H vào ngày 28/10/2023. Tôi có trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng do ông Nguyễn Ngọc Y nhận, tôi có nói với bà H cho tôi xin trả dần khoản nợ nhưng với số tiền 10.000.000 đồng/tháng thì tôi không có khả năng trả vì tôi bị lừa mất hết tiền và đang trả nợ thay. Nay tôi xin bà H cho tôi trả dần số nợ trên như sau:

- Vào ngày 28 hàng tháng tôi sẽ trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc.
- Đối với số tiền lãi mà bà H yêu cầu tôi xin không phải trả vì tôi không có khả năng.
- Đối với số tiền 9.000.000 đồng mà tôi đã trả lãi hàng tháng cho bà H đã vượt quá quy định của pháp luật, tôi đề nghị Toà án trừ phần vượt quá này vào số tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là đúng

theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01 giấy mượn tiền (Bản gốc). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc: 150.000.000đồng trừ 10.000.000đ tiền gốc bà N1 đã trả ngày 28/10/2023, như vậy số tiền gốc còn lại nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải trả là 140.000.000đồng và lãi suất 22.078.000đồng (kể từ ngày 10/11/2022 bị đơn vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 19 tháng x 0,83%/tháng, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự).

Bị đơn cũng thừa nhận về khoản tiền đã vay của nguyên đơn và xác định giấy mượn tiền được viết vào ngày 09/9/2022 là do bị đơn tự viết và ký nhận người nhận tiền, nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả đúng hạn như đã cam kết. Như vậy, xét về giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đề nghị được trừ số tiền lãi bị đơn đã hàng tháng cho nguyên đơn là 9.000.000 đồng và đề nghị Toà án trừ phần vượt quá này vào số tiền gốc, tuy nhiên bị đơn không cung cấp chứng cứ để chứng minh đã trả lãi cho nguyên đơn số tiền cụ thể là bao nhiêu để xác định mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật; đối với nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn có trả lãi suất, vì vậy Toà án không có căn cứ để giải quyết đối với đề nghị của bị đơn.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Xuân H tổng số tiền là 162.078.000đ *(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn đồng*), trong đó số tiền gốc 140.000.000đồng, tiền lãi suất 22.078.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 phải chịu 8.103.900đồng *(Bằng chữ: Tám triệu, một trăm lẻ ba ngàn, chín trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).*

- Áp dụng các Điều 280, 282, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân H.

[2]. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Xuân H số tiền: 162.078.000đ *(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu,*

không trăm bảy mươi tám ngàn đồng), trong đó số tiền gốc 140.000.000đồng, tiền lãi suất 22.078.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều N1 phải nộp: 8.103.900đồng *(Bằng chữ: Tám triệu, một trăm lẻ ba ngàn, chín trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 4.621.500đ *(Bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm hai mươi mốt ngàn, năm trăm đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001041 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lê.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP . Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC VỊ HỘI THẨM **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**